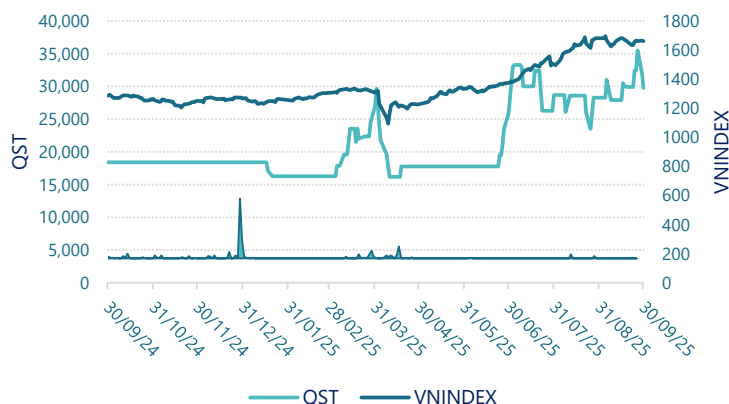




CTCP Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh (HNX: QST)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	29,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,182
SL cổ phiếu LH	3,240,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	115
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	97
P/E	7.6
EPS	3,940

DT thuần

Q3/25

39.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼29.5 | -43.1%

YoY: ▼24.9 | -39.0%

LN sau thuế

Q3/25

-3.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.21 | -237%

YoY: ▼0.27 | -9.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-7.2%

+/- YoY: ▼ 3.5%

DT thuần

9T 2025

132

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.0 | -11.5%

LN sau thuế

9T 2025

4.66

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.66 | 133%

ROE

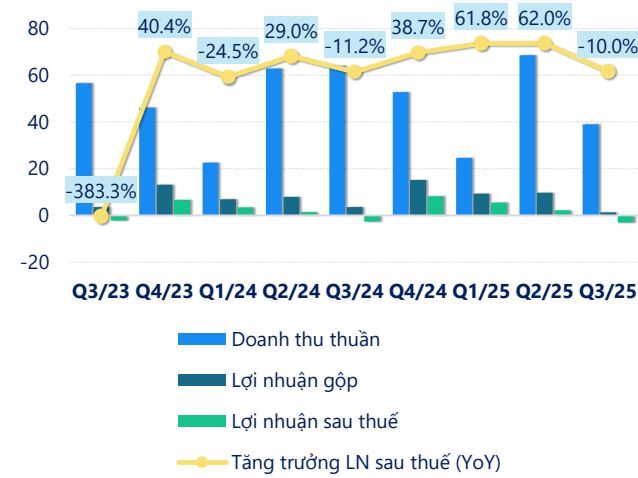
Q3/25

28.8%

+/- YoY: ▲ 8.1%

tỷ VNĐ

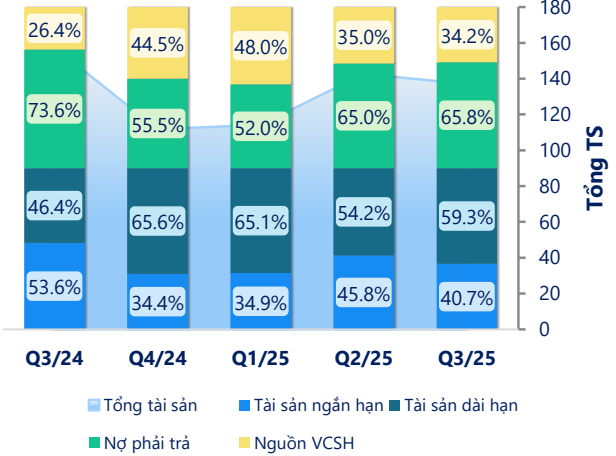
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

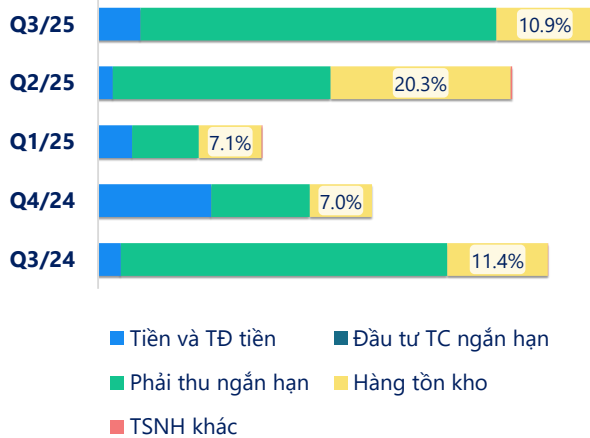
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



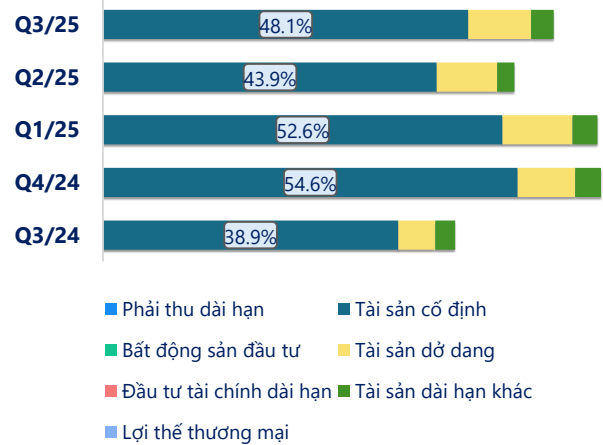
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

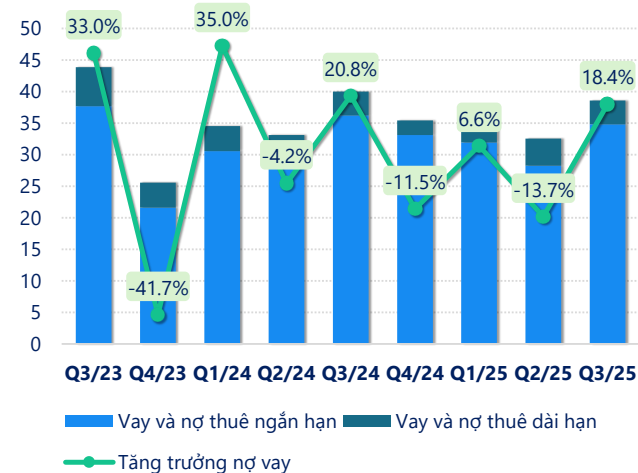
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

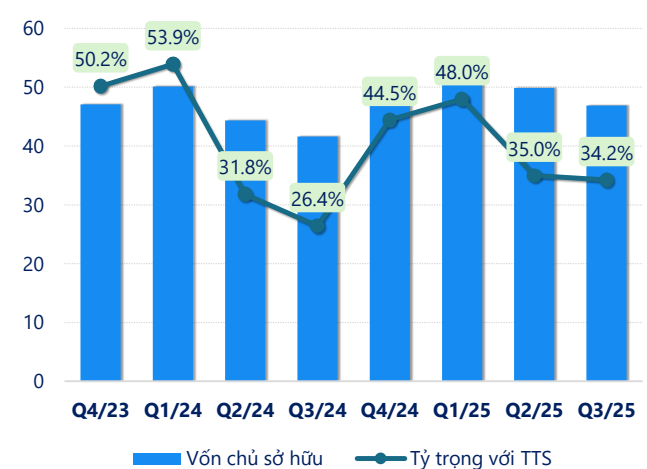
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

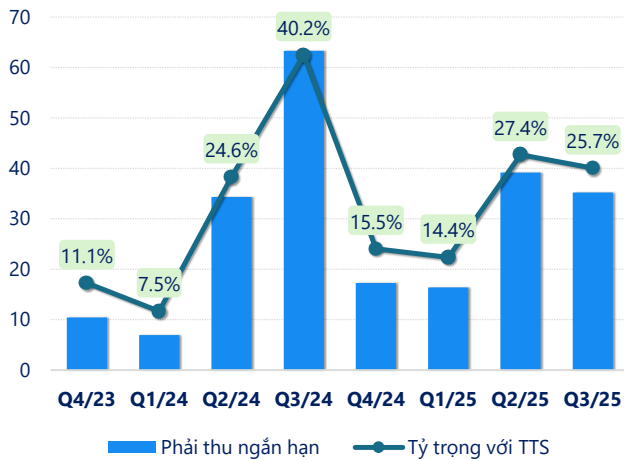
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



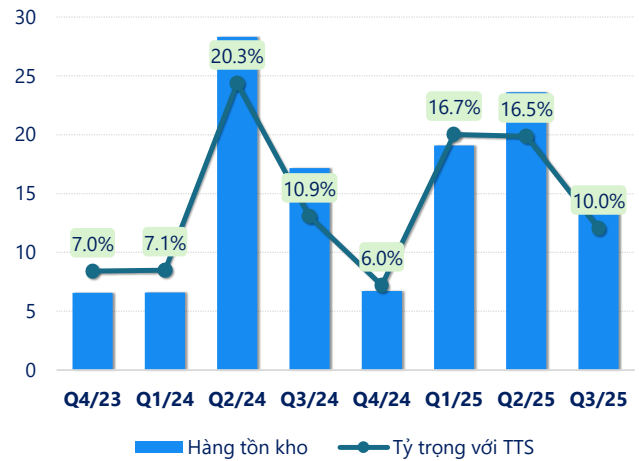
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


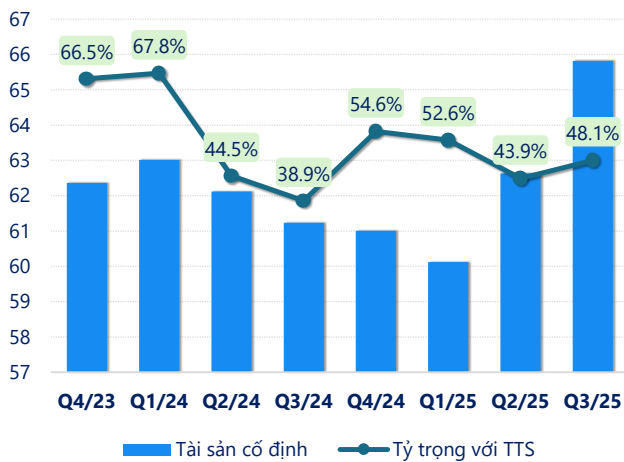
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


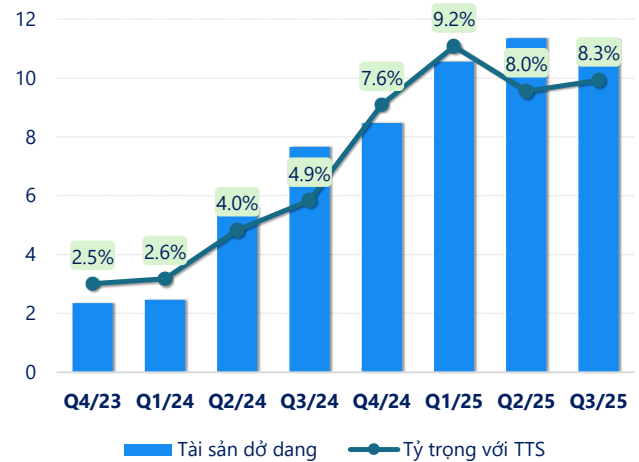
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

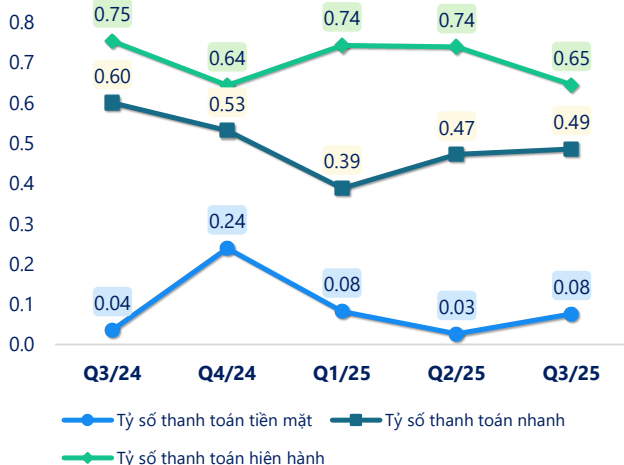
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

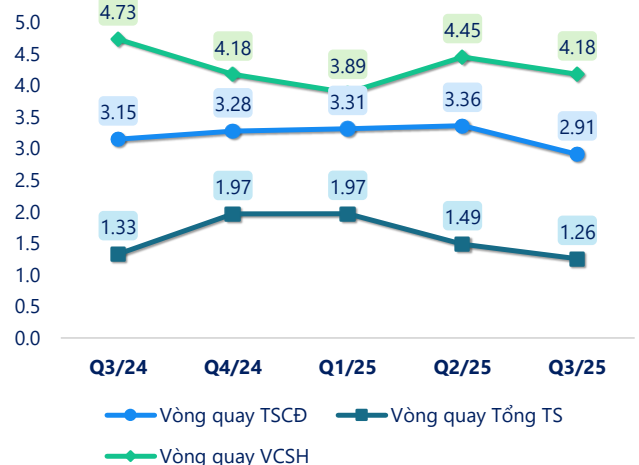
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	158	112	114	143	137
Tài sản ngắn hạn	84.5	38.5	39.9	65.4	55.7
Tiền và tương đương tiền	4.07	14.3	4.41	2.35	6.57
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	63.3	17.3	16.4	39.1	35.2
Hàng tồn kho	17.2	6.72	19.1	23.6	13.7
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.19	0.00	0.27	0.13
Tài sản dài hạn	73.0	73.3	74.4	77.3	81.3
Phải thu dài hạn	0	0	0	0.05	0.05
Tài sản cố định	61.2	61.0	60.1	62.6	65.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.66	8.47	10.6	11.4	11.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.14	3.82	3.76	3.22	4.08
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	116	62.1	59.5	92.7	90.1
Nợ ngắn hạn	112	59.8	53.7	88.4	86.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.2	33.1	31.9	28.3	34.8
Phải trả người bán ngắn hạn	62.8	7.57	12.3	47.1	36.9
Nợ dài hạn	3.75	2.30	5.78	4.29	3.75
Vay và nợ thuê dài hạn	3.75	2.30	5.78	4.29	3.75
Nguồn vốn chủ sở hữu	41.6	49.7	54.9	49.9	46.9
Vốn chủ sở hữu	41.6	49.7	54.9	49.9	46.9
Vốn điều lệ	32.4	32.4	32.4	32.4	32.4
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)